

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **203/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 24-9-2021

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh PTài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRẦN VĂN P**– sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình Nhì, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **ĐẶNG BÍCH P**– sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình Nhì, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(anh P có mặt, chị P xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn P trình bày: Anh và chị Đặng Bích P cưới nhau vào năm 2011, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhì. Sau khi cưới anh và chị P sống hạnh P được 02 năm đầu thì vợ chồng bắt đầu lệch lạc, không có tiếng nói chung, đến cuối năm 2016 thì P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống

chung kéo dài đến cuối năm 2017 thì anh và chị Psống ly thân cho đến nay. Nay anh Pyêu cầu xin ly hôn với chị Phi.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Đăng Kỳ A- sinh ngày 24/6/2011 và Trần Đăng Minh P- sinh ngày 16/3/2019. Hiện hai cháu Kỳ A và Minh P đang sống với chị Phi. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kỳ Anh, giao cho chị Pnuôi dưỡng cháu Minh Phát, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn chị Đặng Bích P trình bày: Chị và anh Trần Văn P cưới nhau vào năm 2011, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhì. Sau khi cưới chị và anh Psống hạnh P đến cuối năm 2017 thì Psinh mâu thuẫn do anh Pcó quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến cuối năm 2018 thì chị và anh Psống ly thân cho đến nay. Nay anh Pyêu cầu xin ly hôn, phía chị Pkhông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 cháu tên Trần Đăng Kỳ A- sinh ngày 24/6/2011 và Trần Đăng Minh P- sinh ngày 16/3/2019. Hiện hai cháu Kỳ A và Minh P đang sống với chị. Khi ly hôn chị Pyêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Kỳ A và Minh Phát, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Trần Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Đặng Bích Phi; về con chung: anh Pyêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kỳ A còn cháu Minh P giao cho chị Pnuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có.

- Bị đơn chị Đặng Bích P có đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên ý kiến tại văn bản lời khai và biên bản hòa giải.

- Kiểm sát viên Pbiểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn Phúc; về con chung: do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P nên không đặt ra để xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “Xin ly hôn”.

[1] Xét bị đơn chị Đặng Bích Pcó đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị Phi.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn Plà không có cơ sở: Vì anh Trần Văn Pvà chị Đặng Bích Pcuối nhau vào năm 2011, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhì số 38 ngày 04/4/2011. Quá trình chung sống giữa anh Pvà chị Psống hạnh Pđến năm 2018 thì Psinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh Ptrình bày là do tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo, anh Pnghe ngò chị Pcó quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh không có chứng cứ gì chứng minh chị Pcó quan hệ với người đàn ông khác. Ngoài nguyên nhân trên thì anh Pcho rằng không còn nguyên nhân nào khác. Qua xác minh ông Trần Văn Quang là cha ruột của anh Pxác định, giữa anh Pvà chị Pkhông có mâu thuẫn gì mà do anh Pcó quan hệ với người phụ nữ khác, còn chị Phiện đang sống chung với vợ chồng ông, ông Quang xác định chị Plà người dâu tốt luôn chăm lo cho gia đình. Tại phiên tòa, anh Pthừa nhận trước đây anh có quan hệ với người phụ nữ khác, hiện tại thì không còn nên vấn đề ngoại tình đã không còn, phía chị Pcũng thiết tha xin được đoàn tụ. Cho thấy hôn nhân giữa anh Pvà chị Pcó thể hàn gắn được, mặc dù anh Pvà chị Psống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa anh Pvà chị Pchưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được, đời sống chung có thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phúc, để anh Pvà chị Pcó thời gian hàn gắn lại tình cảm, xây dựng hạnh Pgia đình, cùng nuôi dạy, chăm sóc con cái, là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Pnên vấn đề về con chung không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do anh Plà nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh Pphải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn Phúc.

- Về án phí: Anh Trần Văn Phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Phải nộp theo biên lai thu số 0017218 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy anh Phải nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn Anh